TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 01- 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hoàn
2. Bà Đoàn Thị Duyên

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2024/QĐ-HNGĐ ngày 24/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mã Thị T, sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT: thôn N, xã N(nay là xã T), huyện K, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Số nhà 57, đường N, tổ dân phố T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T**,** sinh năm 1973

Địa chỉ: thôn N, xã N(nay là xã T), huyện K, tỉnh Thái Bình

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Mã Thị T trình bày*: Chị T và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Cao huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình vào ngày 01/7/2003. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống tại xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình. Mấy năm sau khi kết vợ chồng chung sống nhạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị T đã về nhà bố mẹ sinh sống từ tháng 9/2024 đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn được, chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích H sinh ngày 10/3/2004 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Bích H1 sinh ngày 12/7/2009 đang ở cùng anh T. Ly hôn anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, chị T cấp dưỡng nuôi cháu H1 là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, không vay nợ chung.

Bị đơn là anh Nguyễn HoàngT trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị T trình bày. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích H sinh ngày 10/3/2004 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Bích H1 sinh ngày 12/7/2009 đang ở cùng anh T. Nay chị T xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Ly hôn anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, chị T cấp dưỡng nuôi cháu H1 là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi với số tiền 36.000.000đồng, chia làm 02 lần, mỗi lần là 18.000.000đồng. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành T thập chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát không tham gia phiên toà sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại xã Nam Cao huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng từ nhiều năm nay không được hòa Tận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, nghi ngờ nhau có quan hệ với người khác. Chính quyền địa phương và hai bên gia đình đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Ngày 06/12/2024, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng chị

T và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp cuộc sống vợ chồng, chị T xin ly hon và anh T đồng ý ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích H sinh ngày 10/3/2004 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Bích H1 sinh ngày 12/7/2009 đang ở cùng anhT. Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho anhT trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Anh T đồng ý việc chị T cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi với số tiền 36.000.000đồng chia làm 02 lần, mỗi lần là 18.000.000đồng nhưng chị T không đồng ý. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị T, anh T: giao con chung Nguyễn Thị Bích H1 cho anhT tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T cấp dưỡng nuôi cháu H1 là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu H1đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anhT không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không giải quyết tài sản chung vợ chồng.

[6] Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận Tận tình ly hôn giữa chị Mã Thị T và anh Nguyễn Hoàng T.

2. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích H sinh ngày 10/3/2004 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Bích H1 sinh ngày 12/7/2009. Giao cho anh Nguyễn Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Bích H1 sinh ngày 12/7/2009, chị T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Chị T và anhT có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Mã Thị T tự nguyện chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai T tiền số 0002264 ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

5.*Về quyền kháng cáo*: Chị Mã Thị T và anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Thống Nhất (ĐKKH 01/7/2003);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Thanh Xuân

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**